TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN ĐẦM DƠI, TỈNH CÀ MAU**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 94/2023/HNGĐ-ST
Ngày 28 – 4 – 2023
V/v tranh chấp ly hôn
và nuôi con chung

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN ĐẦM DƠI, TỈNH CÀ MAU

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Văn Càn

Các Hội thẩm nhân dân:

Bà Ngô Hồng Dưỡng.

Ông Châu Hải Dương.

- Thư ký phiên tòa: Bà Trần Kim Thia là Thư ký Tòa án nhân dân huyện Đầm Dơi.

Ngày 28 tháng 4 năm 2023 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Đầm Dơi xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 145/2023/TLST-HNGĐ ngày 06 tháng 4 năm 2023 về việc "tranh chấp ly hôn và nuôi con chung" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 116/2023/QĐXXST-HNGĐ ngày 25 tháng 4 năm 2023, giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn*: Chị Nguyễn Kiều T, sinh năm 1993; cư trú tại: Ấp C, xã N, huyện Đ, tỉnh Cà Mau (vắng mặt).

- *Bị đơn*: Anh Nguyễn Chí H, sinh năm 1991; cư trú tại: Ấp C, xã N, huyện Đ, tỉnh Cà Mau (vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Chị Nguyễn Kiều T và anh Nguyễn Chí H kết hôn vào năm 2010 nhưng không đăng ký kết hôn, khi về chung sống phát sinh mâu thuẫn do bất đồng quan điểm, được gia đình hòa giải, hàn gắn nhưng không khắc phục được và đã sống ly thân hơn 01 năm nay. Từ nguyên nhân trên, các đương sự xác định không thể tiếp tục chung sống nên đồng ý ly hôn với nhau.

Quá trình chung sống các đương sự có 02 con chung, gồm: Nguyễn Quỳnh N, sinh ngày 28/4/2010 và Nguyễn Hoài N1, sinh ngày 25/02/2014. Khi ly hôn, các đương sự thỏa thuận giao cho chị T tiếp tục nuôi dưỡng, việc cấp dưỡng không đặt ra.

Về tài sản: Tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết; về nợ và các

vấn đề khác: Các đương sự xác định không có.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Chị Nguyễn Kiều T và anh Nguyễn Chí H có đơn đề nghị xét xử vắng mặt nên Hội đồng xét xử căn cứ vào khoản 1 Điều 227 của Bộ luật Tố tụng dân sự, tiến hành xét xử vắng mặt đối với các đương sự là đúng quy định.

[2] Chị T và anh H tự nguyện chung sống hôn vào năm 2010 nhưng không đăng ký kết hôn, khi về chung sống phát sinh mâu thuẫn do bất đồng quan điểm và đã sống ly thân hơn 01 năm nay. Từ nguyên nhân trên, các đương sự xác định không thể tiếp tục chung sống nên đồng ý ly hôn với nhau

Xét thấy, theo khoản 1 Điều 14 của Luật Hôn nhân và Gia đình thì *"Nam, nữ đủ điều kiện kết hôn theo quy định của luật này chung sống với nhau như vợ chồng mà không đăng ký kết hôn thì không làm phát sinh quyền, nghĩa vụ của vợ chồng…"*. Đối chiếu với quy định trên, Hội đồng xét xử không xem xét nguyên nhân mâu thuẫn dẫn đến việc các đương sự đồng ý ly hôn với nhau Em mà căn cứ khoản 2 Điều 53 Luật Hôn nhân và Gia đình không công nhận quan hệ vợ chồng giữa các đương sự là phù hợp và đúng quy định của pháp luật.

[3] Xét thỏa thuận nuôi con sau khi ly hôn giữa các đương sự, thấy rằng:

Các đương sự thỏa thuận giao Nguyễn Quỳnh N và Nguyễn Hoài N1 cho chị T tiếp tục nuôi dưỡng. Việc thỏa thuận nuôi con sau khi ly hôn giữa các đương sự là tự ngyện, không trái pháp luật và phù hợp với nguyện vọng của Quỳnh N và Hoài N1 nên được Hội đồng xét xử chấp nhận.

Về cấp dưỡng nuôi con: Chị T không yêu cầu nên không đặt ra xem xét; trường hợp có phát sinh tranh chấp sẽ được xem xét, giải quyết bằng vụ án khác.

[4] Về tài sản và các vấn đề khác: Các đương sự tự tỏa thuận, về nợ và các vấn đề khác các đương sự xác định không có nên không đặt ra xem xét; trường hợp có phát sinh tranh chấp sẽ được xem xét, giải quyết bằng vụ án khác.

[5] Về án phí: Theo quy định tại khoản 4 Điều 147 của Bộ luật Tố tụng dân sự; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án thì chị T phải chịu trong vụ án ly hôn là 300.000 đồng.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 4 Điều 147, khoản 1 Điều 227 và khoản 1 Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự; khoản 1 Điều 14, khoản 2 Điều 53, khoản 2 Điều 81, Điều 82 và Điều 83 của Luật Hôn nhân và Gia đình; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Về hôn nhân: Không công nhận quan hệ vợ chồng giữa chị Nguyễn Kiều T và anh Nguyễn Chí H.

2. Về con chung: Giao Nguyễn Quỳnh N, sinh ngày 28/4/2010 và Nguyễn Hoài N1, sinh ngày 25/02/2014 cho chị T tiếp tục nuôi dưỡng, việc cấp dưỡng nuôi con không đặt ra. Anh H có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở.

3. Án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm: Chị T phải chịu trong vụ án ly hôn là 300.000 đồng nhưng được trừ số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 300.000 đồng theo Biên lai thu tiền tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0013904 ngày 06 tháng 4 năm 2023 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Đầm Dơi (chị T đã nộp xong).

4. Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Các đương sự có quyền làm đơn kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc được tống đạt hợp lệ./.

Nơi nhận:
- Tòa án nhân dân tỉnh Cà Mau;
- Viện kiểm sát nhân dân huyện Đầm Dơi;
- Chi cục Thi hành án dân sự huyện Đầm Dơi;
- Đương sự;
- Lưu hồ sơ.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

(đã ký)

Nguyễn Văn Càn